TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 5 – 2021
Về việc: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đình Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Út.

Bà Lâm Lệ Oanh.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021, về việc: "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Danh Thị Ngọc H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh K . (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lý Văn K , sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh K. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Danh Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Lý Văn K chung sống với nhau từ năm 1995. Đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2007. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do ông K không lo làm ăn, kiếm chuyện với vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà bỏ nhà đi Bình Dương làm ăn và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lý Văn K.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà chung sống có hai con chung tên Lý Thành L, sinh ngày 21/01/1996 và Lý Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2001 (đã chết).

Hiện nay con chung còn lại đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung:Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ ai và không ai vay nợ vợ chồng bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 3/5/2021 bị đơn ông Lý Văn K trình bày: Ông và bà H chung sống với nhau đến năm 1996 thì sinh được một đứa con trai tên Lý Thành L, lúc đó gia đình rất thiếu thốn, khó khăn nên tôi phải làm thuê đủ nghề để lo cho hạnh phúc gia đình, còn vợ ông không làm gì cả chỉ có làm nội trợ trong nhà, tuy nhiên thời gian đó lúc nào ông cũng thương vợ, mến con. Đến năm 2001 thì có đứa con chung thứ hai là Lý Thị Kim L nhưng hiện nay đã chết do bệnh. Việc bà H trình bày ông bạo lực và đánh bà H là không có. Nay bà H làm đơn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H , còn bản thân ông K không có mặt tham gia về vụ đơn ly hôn của bà H, lý do là ông K và bà H đã ly thân từ năm 2012, bà H đã bỏ ba cha con ông ở nhà để đi làm công ty ở Bình Dương và đã có con riêng với người đàn ông khác được 6 tuổi. Nay ông K đồng ý ly hôn với bà Danh Thị Ngọc H và xin vắng mặt tại Tòa án vì ông K không muốn gặp mặt bà H nữa.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lý Thành L, sinh ngày 21/01/1996 và Lý Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2001 (đã chết năm 2020). Hiện nay con chung còn lại đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Danh

Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý Văn K, ông K có nơi đăng ký thường trú tại khu phố 3, phường T, thành phố H , tỉnh K. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lý Văn K có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Danh Thị Ngọc H và ông Lý Văn K chung sống với nhau từ năm 1995. Đến năm 2007 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2007, do đó hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Theo bà H thì từ năm 2008 giữa vợ chồng ông, bà phát sinh mâu thuẫn do ông K không lo làm ăn, thường kiếm chuyện với vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà bỏ nhà đi Bình Dương làm ăn và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tại bản tự khai ngày 03/5/2021 ông K trình bày trong thời gian ông bà chung sống với nhau gia đình rất thiếu thốn, khó khăn nên ông phải làm thuê đủ nghề để lo cho hạnh phúc gia đình, còn bà H không làm gì cả chỉ có làm nội trợ trong nhà, ông không có bạo lực với bà H, việc bà H làm đơn ly hôn với ông thì ông đồng ý vì bà H đã bỏ đi làm ăn ở Bình Dương và đã có con chung với người đàn ông khác được 6 tuổi, vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2012. Xét thấy, bà H, ông K hiện nay không còn chung sống và đã ly thân trong khoảng thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H và ông K được ly hôn với nhau.

Về con chung: Có hai con chung tên Lý Thành L, sinh ngày 21/01/1996 và Lý Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2001 (đã chết). Hiện nay con chung còn lại là Lý Thành L đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Danh Thị Ngọc H trình bày vợ chồng ông bà không có tài sản chung gì, ông Lý Văn K trình bày có tài sản chung là căn nhà lá cất trên nền đất của mẹ vợ, ông giao lại cho bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Danh Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Ngọc H .

Bà Danh Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lý Văn K .

2. Về con chung: Con chung tên là Lý Thành L, sinh ngày 21/01/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Danh Thị Ngọc H và ông Lý Văn K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về nợ chung: Bà Danh Thị Ngọc H và ông Lý Văn K không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Danh Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009367 ngày 28

tháng 4 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, sau khi khấu trừ bà Danh Thị Ngọc H không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND TP Hà Tiên*
- *Chi cụcThi Hành Án DS TP Hà Tiên*
- *Những người TGTT;*
- *Lưu tập án, hồ sơ*
- *Lưu VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đình Đăng